

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 419/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2025, giữa:

- **Nguyên đơn**: Anh Đỗ Xuân T, sinh năm 1974, CCCD số: 038074016906, cấp ngày 08/12/2021; Nơi cư trú: Nhà B, H, phường V, thành phố Hà Nội.

- **Bi đơn**: Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1980, CCCD số: 001180024597, cấp ngày 10/8/1980; Nơi cư trú: Nhà B, H, phường V, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 7 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 7 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Đỗ Xuân T và chị Nguyễn Thị T1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 *Về con chung*: Anh Đỗ Xuân T và chị Nguyễn Thị T1 xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Gia B, sinh ngày 08/11/2003 và cháu Đỗ Gia K, sinh ngày 07/05/2009, cháu B hiện đã trưởng thành, đủ 18 tuổi, có đầy đủ khả năng lao động và năng lực hành vi dân sự. Khi ly hôn, anh Đỗ Xuân T và chị Nguyễn Thị T1 thoả thuận:

Giao con chung là cháu Đỗ Gia K cho chị Nguyễn Thị T1 là người trực tiếp

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh Đỗ Xuân T cho chị Nguyễn Thị T1 đến khi con chung thành niên, đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác.

- Sau khi ly hôn, anh Đỗ Xuân T có quyền qua lại, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

2.2 Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chị Nguyễn Thị T1 và anh Đỗ Xuân T xác nhận tài sản chung vợ chồng gồm:

+ 01 căn nhà biệt thự liền kề tại Xx, Lô H, Khu đô thị V phường Việt Hưng, thành phố Hà Nội có diện tích 190 m², hiện chị T1 đang quản lý, sử dụng.

+ 01 xe ô tô Lexus, BKS: 30K- 639.28 hiện chị T1 đang quản lý, sử dụng.

+ 40% cổ phần công ty cổ phần đầu tư H hiện do anh Đỗ Xuân T đang nắm giữ, quản lý.

+ 30% cổ phần công ty TNHH đầu tư Đ hiện do anh Đỗ Xuân T đang nắm giữ, quản lý.

Khi ly hôn, chị Nguyễn Thị T1 và anh Đỗ Xuân T thống nhất thỏa thuận chia tài sản chung như sau:

Giao cho chị T1 được quyền sử dụng thửa đất tại địa chỉ: Ô X dãy B - lô H, Khu đô thị mới V, phường V, thành phố Hà Nội và sở hữu 01 nhà vườn liền kề gắn liền gắn liền với thửa đất trên, đã được Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY246396 ngày 31/12/2014; 01 xe Lexus loại RX350, BKS: 30K- 639.28.

Đối với tài sản là: 40% cổ phần công ty cổ phần đầu tư H hiện do anh Đỗ Xuân T đang nắm giữ, quản lý và 30% cổ phần công ty TNHH đầu tư Đ hiện do anh Đỗ Xuân T đang đại diện quản lý, chị T1 không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Anh Thọ cũng không có yêu cầu gì khác.

- Về nợ chung: Anh T, chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3 Về án phí: Anh Đỗ Xuân T tự nguyện chịu toàn bộ 150.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai ký hiệu BLTU/25E số 0014821 ngày 04/11/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5 – Hà Nội. Hoàn trả lại anh Đỗ Xuân T số tiền 150.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị T1 phải nộp tiền án phí dân sự có giá ngạch là 69.701.715 đồng (*Bằng chữ: Sáu mươi chín triệu bảy trăm linh một nghìn bảy trăm mười lăm đồng*) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 70.750.000 (*Bằng chữ: Bảy mươi triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0003452 ngày 04/02/2026 của của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Trả lại cho chị Nguyễn Thị T1 số tiền là 1.048.285 (*Bằng chữ: Một triệu không trăm bốn mươi tám nghìn hai trăm tám mươi lăm đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng

cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 5 – Hà Nội;
- Thị hành án dân sự thành phố Hà Nội;
- UBND phường Long Biên, quận Long Biên
thành phố Hà Nội (nay là UBND phường
Long Biên, thành phố Hà Nội)- Giấy CNKH
số 11 ngày 12/02/2003
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Tạ Thị Ngân